TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 160/2026/QĐST- HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 779/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn T.T, sinh năm 1988; HKTT: Số 197/1 ấp M, xã N, Thành phố C; Địa chỉ cư trú: Số 5G/8 khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Bà Phạm T.T, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Số 439/60 đường M, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16/01/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận này.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Nguyễn T.T, sinh năm 1988

Bà Phạm T.T, sinh năm 1989

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T.T và bà Phạm T.T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 12/03/2014 của Ủy ban nhân dân phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND phường T, thành phố Hồ Chí Minh) cấp cho ông Nguyễn T.T và bà Phạm T.T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn P.T.T, sinh ngày 19/12/2014. Sau ly hôn, bà Phạm T.T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành. Ông Nguyễn T.T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01 tháng. Hai bên tự giao nhận với nhau, bắt đầu thi hành từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn T.T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết hoặc khi có lý do chính đáng, một hoặc các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chưa thi hành số tiền cấp dưỡng thì hàng tháng thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng mỗi bên chịu một nửa, án phí cấp dưỡng là 150.000 ông T phải chịu. Ông Nguyễn T.T thỏa thuận chịu thay án phí cho bà Phạm T.T và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn T.T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0025537 ngày 13/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn T.T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Khu vực 7 – TP.HCM;
- UBND phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh, (nay là UBND phường T, thành phố Hồ Chí Minh);
- Các đương sự;
- Lưu;

THẨM PHÁN

Lương Quốc Việt